

Số: 2308 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 26 tháng 06 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu tái định cư - dân cư Tân Vinh (đợt 15)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 1621/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bố trí tái định cư dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định và 04 dự án Khu Tái định cư - Dân cư thuộc Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A tại Phân khu 7, Khu kinh tế Nhơn Hội;*

*Căn cứ Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất ở cụ thể để lập*

phương án bồi thường, GPMB đối với 04 dự án tại Khu Đô thị Becamex A thuộc Phân khu 07, Khu Kinh tế Nhơn Hội;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện 04 dự án Khu tái định cư - dân cư tại Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội tại Tờ trình số 92/TTr-HĐBT ngày 22/6/2023.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu tái định cư - dân cư Tân Vinh thuộc Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7) tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh (đợt 15), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất và tài sản trên đất cho một số hộ dân; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **379.802.829 đồng** (Ba trăm bảy mươi chín triệu, tám trăm lẻ hai nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 372.355.715 đồng.

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 7.447.114 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)

2. Bố trí tái định cư cho 01 hộ dân đủ điều kiện tại Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A.

(Chi tiết như Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

3. Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp và tài sản trên đất cho một số hộ dân; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **115.993.380 đồng** (Một trăm mười lăm triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm tám mươi đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 113.719.000 đồng.

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 2.274.380 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 03 kèm theo Quyết định này)

\* Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Công ty cổ phần Becamex Bình Định.

**Điều 2.** Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, cơ quan Thường trực của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện 04 dự án Khu tái định cư - dân cư tại Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Chủ tịch UBND huyện

Vân Canh; Giám đốc Công ty cổ phần Becamex Bình Định; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6, K16.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục số 01**  
**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN CÓ ĐẤT Ở VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT**  
**BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ - DÂN CƯ TÂN VINH (ĐỢT 15)**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2308/QĐ-UBND ngày 26 / 6 / 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích bị thu hồi (m <sup>2</sup> )	DT đất xét bồi thường, hỗ trợ				Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Nhà cửa VKT	Cây cối, hoa màu	Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)		
								Đất ở được BT, HT (m <sup>2</sup> )	Đất vườn được BT, HT (m <sup>2</sup> )	Đất NN được BT, HT (m <sup>2</sup> )	Đất không được BT, HT (m <sup>2</sup> )	Bồi thường, hỗ trợ về đất	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống								
	a	b	c	d	e	f	g	h	j	k	k	l	o	p	1	2	3	4	5	6=1+2+3+4+5		
1	Trần Đức Quang	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Văn Canh.	61	31	CLN	1.509,0	656,2			656,2		15.092.600	45.277.800		60.370.400	45.462.890	1.109.000	984.000	7.000.000	114.926.290		
2	Phan Văn Hà	Tổ 52, KV7, phường Lê Hồng Phong, TP Quy Nhơn	97	31	ONT+ HNK	240,1	52,1		52,1			22.572.325			22.572.325					22.572.325		
3	Võ Ngọc Lợi	Thôn Tân Vinh, huyện Văn Canh.	45	31	ONT+ HNK	1.893,6	975,1		342,0	633,1		157.034.900	70.238.100		227.273.000		7.584.100			234.857.100		
<b>A</b>	<b>Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ</b>																				<b>372.355.715</b>	
<b>B</b>	<b>Chi phí phục vụ GPMB (2%)</b>																					<b>7.447.114</b>
<b>C</b>	<b>Tổng cộng (A) +(B)</b>																					<b>379.802.829</b>

**Phụ lục số 02**

**BẢNG TỔNG HỢP 01 HỘ DÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ BỊ ẢNH HƯỞNG  
 DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ - DÂN CƯ TÂN VINH (ĐỢT 15)**  
 (Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích bị thu hồi (m <sup>2</sup> )	DT đất xét bồi thường, hỗ trợ				Diện tích đất ở đủ điều kiện giao đất tái định cư	Khu Tái định cư	Ghi chú
								Đất ở được BT, HT (m <sup>2</sup> )	Đất vườn được BT, HT (m <sup>2</sup> )	Đất NN được BT, HT (m <sup>2</sup> )	Đất không được BT, HT (m <sup>2</sup> )			
1	Trần Đức Quang	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	61	31	CLN	1.509,0	656,2			656,2			Khu Tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1 A	Hội đồng xét giao cho hộ 01 lô đất tái định cư với diện tích 150m <sup>2</sup> Tiền sử dụng đất phải nộp do Công ty cổ phần Becamex xem xét quyết định

**Phụ lục số 03**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN CÓ ĐẤT NÔNG NGHIỆP BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ - DÂN CƯ TÂN VINH (ĐỢT 15)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Thông tin theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất bị thu hồi do đặc năm 2017					Loại đất	Vị trí	Hạng/nhóm đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)				Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
			Thửa đất số	Tờ bản đồ	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )				Bồi thường về đất	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề	Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ vật kiến trúc		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	14	15= (12+..+14)	
<b>I</b>	<b>Đất của hộ gia đình, cá nhân</b>				<b>2.609,9</b>	<b>2.133,8</b>	<b>476,1</b>				<b>29.873.200</b>	<b>44.809.800</b>	<b>15.036.000</b>	<b>24.000.000</b>	<b>113.719.000</b>	
1	Lê Thị Dương (chết), con Nguyễn Thị Nhị Liễu ĐDKK	Tân Vinh	198	6	556,6	556,6	0,0	RSX	2	1	7.792.400	11.688.600	3.689.700	0	23.170.700	
2	Nguyễn Văn Tùng	Kinh Tế	166	6	528,7	52,6	476,1	RSX	2	1	736.400	1.104.600	392.700	0	2.233.700	
3	Nguyễn Minh Hùng, vợ Nguyễn Thị Khánh	Tân Vinh	81	31	1.524,6	1.524,6	0,0	RSX	2	1	21.344.400	32.016.600	10.953.600	0	64.314.600	
4	Nguyễn Phương Bắc	Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	50	6								59.795.400			59.795.400	
5	Nguyễn Thị Thùy Chúc	Tân Vinh	163	6								0		24.000.000	24.000.000	
<b>A-</b>	<b>Tổng giá trị BT, HT</b>				<b>2.609,9</b>	<b>2.133,8</b>	<b>476,1</b>				<b>29.873.200</b>	<b>44.809.800</b>	<b>15.036.000</b>	<b>24.000.000</b>	<b>113.719.000</b>	
<b>B-</b>	<b>Chi phí phục vụ GPMB: (A*2%)</b>														<b>2.274.380</b>	
<b>C-</b>	<b>Tổng cộng (A+B)</b>														<b>115.993.380</b>	